

Số: /BC-STC

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**

**Tình hình giá cả thị trường tháng 12, quý IV năm 2022 và  
phương hướng tháng 01, quý I năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**I. Tổng quan tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang  
trong tháng 12 và quý IV năm 2022**

Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 12 năm 2022 so với tháng trước bằng 99,79%; so với kỳ gốc 2019 bằng 110,51%; so với tháng 12 năm trước bằng 104,76%. Bình quân 12 tháng năm 2022 so với bình quân 12 tháng năm 2021 bằng 103,30%.

Cụ thể chỉ số giá của các nhóm hàng chính trong tháng như sau:

NHÓM HÀNG	Chỉ số giá so với (%)			
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	110,51	104,94	99,79	103,44
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	115,18	105,52	100,09	100,81
1. Lương thực	116,56	99,16	100,49	98,58
2. Thực phẩm	115,72	107,36	99,99	100,35
3. Ăn uống ngoài gia đình	112,48	104,99	100,08	104,12
II. Đồ uống và thuốc lá	105,98	101,98	100,14	101,84
III. May mặc, mũ nón, giày dép	109,58	104,83	100,16	102,98
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	105,57	103,58	100,45	104,13
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,56	103,04	100,44	101,27
VI. Thuốc và Dịch vụ y tế	102,34	100,04	100,00	100,04
VII. Giao thông	108,57	99,73	96,25	111,54

VIII. Bưu chính viễn thông	100,55	100,00	100,00	100,00
IX. Giáo dục	145,30	134,44	100,00	115,20
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	100,82	100,14	99,96	100,11
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	107,39	101,77	100,07	101,28
<i>Chỉ số giá vàng</i>	<i>140,69</i>	<i>103,38</i>	<i>100,22</i>	<i>102,21</i>
<i>Chỉ số giá đôla Mỹ</i>	<i>102,99</i>	<i>103,75</i>	<i>96,43</i>	<i>102,43</i>

## **1. Diễn biến cụ thể tình hình giá cả thị trường tháng 12 và Quý IV năm 2022**

### **1.1. Lương thực, thực phẩm:**

#### **a) Lương thực**

Chỉ số giá nhóm các mặt hàng này trong tháng tăng 0,49% so với tháng trước, cụ thể: Gạo tẻ ngon tăng 0,19%; gạo tẻ thường tăng 0,33%; nếp thường tăng 0,89%. Nguyên nhân tăng do ảnh hưởng thời tiết các tháng qua không thuận lợi, nông dân gặp khó khăn trong gieo xạ xuống giống vụ Đông Xuân, lượng lúa trong dân dự trữ còn ít, thêm chi phí nhiên liệu, nhân công, phân bón tăng nên giá tăng.

Giá lúa tại Hậu Giang có sự biến động ở một số loại như: IR 50404 là 6.700 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; lúa OM 18 là 7.300 đồng/kg, tăng 200 đồng/kg; còn RVT vẫn ổn định ở mức 8.400 đồng/kg.

Giá gạo tại hệ thống siêu thị Co.opmart trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có giá như sau: Gạo Nàng Hoa Co.op Select 22.000đ/kg, gạo thơm ST24 Coop Finest có giá 29.800đ/kg, gạo thơm thái Coop Select 21.500đ/kg, gạo thơm Jasmine giá 18.300đ/kg, gạo Hương Lài sữa giá 22.000đ/kg, gạo trắng hạt dài 5% giá 16.400đ/kg, gạo Hương Lài Thiên Kim giá 18.300đ/kg...

Giá lúa lương thực và gạo nguyên liệu bình quân trong quý IV/2022 tăng so 500đ/kg với quý III/2022, cụ thể giá lúa dài 6.500đ/kg; giá gạo một số loại thành phẩm: gạo tẻ nguyên 16.400đ/kg, gạo Hương Lài sữa dao động từ 16.000 – 17.000đ/kg so với kỳ trước.

#### **b) Thực phẩm**

Bình quân chỉ số giá thực phẩm trong tháng 12 và quý IV/2022 giảm 0,01% so với tháng trước, cụ thể: Thịt gia súc giảm 2,43%; thịt lợn giảm 3,02%; thịt bò giảm 0,68%. Thông thường vào thời điểm cuối năm, nhu cầu tiêu thụ thịt heo sẽ tăng mạnh, đẩy giá lên cao. Nhưng năm nay diễn biến lại khác thường, cuối năm nhưng giá thịt heo lại giảm từ chuồng đến chợ. Nguyên nhân, do sức

mua yếu các nguồn tiêu thụ đều giảm từ cơ sở chế biến đến các bếp ăn tập thể đều giảm, cộng thêm kinh tế của người dân khó khăn nên giá giảm.

Diễn biến cụ thể trong tháng 12: giá heo hơi tại Hậu Giang giảm khoảng 5.000đ/kg so với tháng trước, hiện heo hơi tại Hậu Giang có giá dao động từ 52.000 - 54.000đ/kg, giá một số loại thịt tại các chợ, sạp vẫn có giá tương đối ổn định như sau: giá thịt thăn 120.000đ/kg; thịt ba chỉ có giá 110.000đ/kg, thịt đuôi heo 140.000đ/kg; gà ta làm sẵn nguyên con có giá 110.000đ/kg; vịt làm sẵn nguyên con dao động từ 65.000 - 75.000đ/kg; thịt thăn bò có giá 180.000đ/kg, bò phi lê dao động từ 180.000 - 220.000đ/kg...

Bình quân trong quý IV/2022 giá heo hơi và một số loại thịt vẫn ổn định so với so với quý III.

Giá các loại trứng ổn định, cụ thể: Trứng vịt có giá dao động từ 28.000 - 30.000đ/chục 10 quả, hiện trứng gà ta có giá 35.000 - 40.000đ/chục 10 quả.

Hiện tại các mặt hàng rau củ quả thiết yếu trong tháng cũng có biến động tùy loại và tùy địa phương, cụ thể như: bắp cải 17.900đ/kg (*ổn định*), bí đỏ 22.000đ/kg (*tăng 2.000đ/kg*), bí xanh 28.000đ/kg (*giảm 2.000đ/kg*), cà rốt 30.500đ/kg (*ổn định*), cải ngọt 15.000đ/kg (*giảm 5.000đ/kg*); khổ qua 25.000đ/kg (*ổn định*), khoai tây 32.000đ/kg (*ổn định*), dưa leo 22.000đ/kg (*ổn định*), xà lách 28.300đ/kg, cải xanh 15.300đ/kg, cải thìa 16.000đ/kg...

Trong quý IV/2022, giá bình quân rau cải tươi ổn định so với quý III: bí xanh 16.500đ/kg, dưa leo 20.000đ/kg, cải thảo 19.500đ/kg, bắp cải 20.000đ/kg, bí xanh 28.000đ/kg, khoai tây 32.000đ/kg...

Mặt hàng thủy hải sản trong tháng 12 và Quý IV/2022 có giá, cụ thể: Cá lóc nuôi từ 45.000 - 50.000đ/kg, cá lóc đồng dao động từ 100.000 - 120.000đ/kg, cá điêu hồng 50.000 - 60.000đ/kg, cá chép, cá basa có giá 55.000đ/kg, vịt xiêm 85.000 - 90.000đ/kg, vịt ta 65.000 - 70.000đ/kg, tôm sú ướp lạnh cỡ 30-40 con/kg có giá 220.000đ/kg, cá thu 150.000đ/kg, cua biển tươi còn sống (cua thịt) 280.000đ/kg, cua gạch có giá 450.000đ/kg.

Giá một số trái cây có giá ổn định, cụ thể: Bưởi da xanh có giá từ 20.000 - 30.000đ/kg, cam sành từ 15.000 - 25.000đ/kg, cam xoàn giá từ 25.000 - 35.000đ/kg, quýt đường Long Trị từ 25.000 - 30.000đ/kg, khóm Cầu Đúc từ 10.000 - 15.000đ/trái...

Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ có giá, cụ thể: đường tinh luyện Biên Hòa loại 1kg có giá 25.700đ/gói (*tăng 1.200đ/kg*), đường cát trắng Xuân Hồng loại 1kg có giá 27.300đ/kg, đường tinh luyện RE CoopSelect 500g có giá 14.900đ/gói (*giảm 5.000đ/gói*), bột ngọt Ajinomoto loại 454g giá 34.400đ/bịch; bột ngọt Vedan 454g có giá 28.500đ/bịch; nước mắm Liên Thành nhãn ngọc 600ml có giá 71.000đ/chai; dầu ăn Neptune chai nhựa 2 lít có giá 132.000đ/chai.

Nước giải khát: Pepsi lon cao 24x320ml giá 210.000 đồng/thùng; Fanta lon cao 24x320ml giá 160.000 đồng/thùng; Coca cola lon cao 24x320ml có giá 235.000 đồng/thùng; Sprite chanh 12 lon 320ml có giá 85.000đ/thùng...

Giá một số loại bia: Bia Heineken 24lonx330ml giá dao động 460.000 - 550.000 đồng/thùng; Bia Ruby thùng 24x330ml có giá 249.000 đồng/thùng; Bia SG Lager thùng 24lonx330ml giá là 254.000 đồng/thùng; Bia Tiger 24lonx330ml có giá 410.000 đồng/thùng...

## **1.2. Vật tư, vật liệu xây dựng**

Trong quý IV/2022 giá xăng dầu đã có 8 lần điều chỉnh giá (*5 lần tăng giá và 3 lần giảm giá*). Riêng trong tháng 12/2022 giá xăng dầu có 3 lần điều chỉnh như sau:

+ Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 01/12/2022 giá xăng dầu được điều chỉnh giảm như sau: xăng A95III giảm 1.080đ/lít, xăng E5 giảm 1.000đ/lít, dầu diesel giảm 1.590đ/lít.

+ Vào lúc 15 giờ ngày 12/12/2022 giá xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh giảm như sau: xăng A95III giảm 1.500đ/lít, xăng E5 giảm 1.330đ/lít, dầu diesel giảm 1.540đ/lít.

+ Tiếp đến trong kỳ điều hành ngày 21/12/2022 giá xăng dầu được điều chỉnh giảm lúc 15 giờ ngày 21/12/2022 như sau: xăng A95III giảm 510đ/lít, xăng E5 giảm 380đ/lít, dầu diesel giảm 70đ/lít.

Như vậy, xăng dầu có giá bán ra trong tháng 12/2022 như sau: xăng A95III có giá 21.110đ/lít, xăng E5 là 20.360đ/lít, dầu diesel 22.030đ/lít.

Giá Gas: Trong quý IV/2022 giá gas có 3 lần liên tiếp điều chỉnh tăng giá. Riêng trong tháng 12 tăng 14.000/bình 12kg, cụ thể: gas Petrolimex Việt Nam 431.000 đ/bình 12kg; gas LPG Hậu Giang: 432.000đ/bình 12 kg.

Giá phân bón ổn định so với tháng trước và so cùng kỳ, cụ thể: DAP xanh (Hồng Hà) có giá 21.300 đồng/kg; URE Cà Mau 15.800đ/kg; URE Phú Mỹ giá 15.600 đồng/kg; NPK Bình Điền 24.000đ/kg.

Giá vật liệu xây dựng tương đối ổn định, cụ thể: giá bán lẻ Xi măng PCB40 Tây Đô đa dụng có giá 83.000 đồng/bao/50kg; Sắt 6 Tây Đô thép cuộn có giá 18.700đ/kg; sắt 8 Tây Đô 19.000đ/kg; sắt 10 Tây Đô 110.000đ/cây 11.7m, sắt 12 Tây Đô 156.000đ/cây 11.7m; sắt 14 Tây Đô 213.000đ/cây 11.7m; sắt 16 Tây Đô 276.000đ/cây 11.7m; sắt 18 Tây Đô 353.000đ/cây 11.7m.

## **2. Dịch vụ giao thông công cộng**

Giá dịch vụ giao thông công cộng trong tháng ổn định, cụ thể: tuyến Vị Thanh - Cần Thơ giá vé 40.000đ/hk; Vị Thanh - TP. Hồ Chí Minh giá vé

100.000đ/hk; Vị Thanh - Vũng Tàu: 145.000đ/hk; Xe Phương Trang chất lượng cao tuyến Vị Thanh - TP Hồ Chí Minh có giá 155.000đ/hk.

### **3. Giá vàng và đô la Mỹ**

Giá vàng tại thời điểm tháng 12/2022 dao động tăng 177.000đ/chỉ so với tháng trước như sau: vàng (99,99%) mua vào từ 5.296.000đ/chỉ, bán ra 5.366.000đ/chỉ.

Bình quân trong quý IV/2022 giá vàng dao động tăng 143.000đ/chỉ so với quý III/2022, cụ thể: vàng (99,99%) mua vào từ 5.219.000đ/chỉ, bán ra 5.348.000đ/chỉ.

Tỷ giá Dollar Mỹ trong tháng giảm so với tháng trước, cụ thể: mua vào là 23.410đ/USD (*giảm 520đ/USD*), bán ra ở mức 23.760đ/USD (*giảm 480đ/USD*).

Tỷ giá Dollar Mỹ bình quân trong quý IV/2022 tăng 620đ/USD so với quý III như sau: Mua vào 23.967đ/USD, bán ra 24.290đ/USD.

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện công tác tháng 12 và quý IV năm 2022**

Nhìn chung trong tháng và quý IV, Sở Tài chính đã thực hiện tốt công tác quản lý về giá tại địa phương. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Sở Tài chính thực hiện tham mưu xây dựng Kế hoạch tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sở Tài chính đã tiếp nhận tổng số 55 văn bản kê khai giá bằng văn bản giấy và 14 đơn vị thực hiện kê khai trên phần mềm cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh đối với lĩnh vực kinh doanh gas, xăng dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra hồ sơ kê khai giá của các cơ sở kinh doanh cho thấy mức giá bán và biểu mẫu tương đối phù hợp với quy định.

Theo dõi sát tình hình giá cả thị trường theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá, nhằm góp phần kiềm chế lạm phát, bình ổn thị trường, đảm bảo lợi ích cho người tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

## **III. Dự báo tình hình giá cả thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 và quý I/2023**

Các mặt hàng lương thực, thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 sẽ có nguồn cung dồi dào, giá cả biến động tương đối nhẹ. Riêng nguồn cung lợn hơi phục vụ Tết dự đoán tăng so với Tết năm trước do tình hình chăn nuôi những tháng cuối năm có nhiều thuận lợi, không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm.

Giá vàng, USD, giá gas, xăng dầu tiếp tục biến động do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới.

Thực hiện tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang gửi Bộ Tài chính đúng quy định.

Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang kính báo đến Bộ Tài chính./.

***Nơi nhận:***

- Cục QL giá (Văn phòng A, B);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, LĐTĐ, TNMT, XD, TTTT, NN&PTNT, GTVT;
- Sở TC các tỉnh;
- Lưu: VP, QLGCSDN.<sub>HT</sub>

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Kim Loan**